

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỌ LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Thọ Long, ngày 28 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng đất
đối với 22 lô đất thuộc mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư mới Đồng Tường, thôn Phong Lạc 2, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân
nay là xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Đất đai; Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ -CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số Điều theo luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Chủ tịch UBND xã Thọ Long về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất Mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Đồng Tường, thôn Phong Lạc 2, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân nay là xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 26/12/2026 của Chủ tịch UBND xã Thọ Long về việc phê duyệt Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất Mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Đồng Tường, thôn Phong Lạc 2, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân nay là xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Chủ tịch UBND xã Thọ Long về việc Đấu giá quyền sử dụng đất Mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Đồng Tường, thôn Phong Lạc 2, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân nay là xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa;

UBND xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá tài sản: Quyền sử dụng 22 lô đất ở tại Khu dân cư mới Đồng Tường, thôn Phong Lạc 2, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân nay là xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản:

1.1. Tên người có tài sản đấu giá: UBND xã Thọ Long.

1.2. Địa chỉ: Thôn Phô Neo, xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hoá.

Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất: Phòng Kinh tế, UBND xã Thọ Long.

2. Thông tin về tài sản đấu giá:

2.1. Vị trí, diện tích, loại đất đấu giá, hiện trạng của các lô đất đấu giá

a. **Vị trí khu đất:** Khu đất đấu giá gồm 22 lô đất thuộc mặt bằng: MBQH theo quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 20/8/2022 Khu dân cư mới Đồng Tường, thôn Phong Lạc 2, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân nay là xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa.

b. **Tổng diện tích đấu giá đợt này là:** 4.716,32 m².

2.2 **Hiện trạng khu đất:** Khu đất đã được thu hồi đất, bồi thường GPMB theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. **Tổng giá khởi điểm các lô đất: 16.171.181.000 đồng** (Bằng chữ: Mười sáu tỷ một trăm bảy mươi triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)
(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2024 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15, gồm các tiêu chí sau:

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----------|--|--------------------|
| I | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1. | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện |
| 2. | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |
| II | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 19,0 |
| 1. | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 10,0 |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc | 5,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2. | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 5,0 |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 3,0 |
| 3. | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang | 2,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|------------|---|-------------|
| | <i>thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i> | |
| 4. | <i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i> | 1,0 |
| 5. | <i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i> | 1,0 |
| III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 16,0 |
| 1. | <i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i> | 4,0 |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2,0 |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2,0 |
| 2. | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i> | 4,0 |
| 3. | <i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i> | 4,0 |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i> | 2,0 |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i> | 2,0 |
| 4. | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i> | 4,0 |
| IV | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 57,0 |
| 1. | <i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i> | 15,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i> | 12,0 |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i> | 13,0 |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i> | 14,0 |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i> | 15,0 |
| 2. | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i> | 7,0 |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i> | 4,0 |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i> | 5,0 |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i> | 6,0 |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i> | 7,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---|------------|
| 3. | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i> | 4,0 |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i> | 5,0 |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i> | 6,0 |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i> | 7,0 |
| 4. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0 |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i> | 3,0 |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i> | |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i> | |
| 5. | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i> | 4,0 |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 5,0 |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i> | 6,0 |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i> | 7,0 |
| 6. | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--|------------|
| 6.1 | 01 đấu giá viên | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 4,0 |
| 7. | <p>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p> | 4,0 |
| 7.1 | Dưới 05 năm | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên | 4,0 |
| 8. | <p>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p> | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 5,0 |
| 9. | <p>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p> | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng | 3,0 |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 4,0 |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên | 5,0 |
| V | <p>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc</p> | 6,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|---------------------|--|------------|
| | nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này) | |
| 1. | Đã tổ chức đấu giá thành công tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (Quyền sử dụng đất) có giá khởi điểm cao nhất trong thời gian từ năm 2024 đến ngày nộp hồ sơ tham gia lựa chọn. Đơn vị cung cấp thông tin Hợp đồng đấu giá có giá khởi điểm cao nhất để làm căn cứ chấm điểm. | 3,0 |
| 2. | Tiêu chí khác: Đã từng tổ chức thành công phiên đấu giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá có số lượng người tham gia đấu giá nhiều nhất trong số các Đơn vị tham gia lựa chọn (Đơn vị tham gia cung cấp thông tin/tài liệu làm căn cứ chấm điểm (nếu có)). | 3,0 |
| Tổng số điểm | | 98 |

- Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất và bằng nhau thì Ủy ban nhân dân xã Thọ Long xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

5. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia:

- Đơn đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản (bản chính)
- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả đúng quy định (bản chính)
- Hồ sơ năng lực pháp lý kèm theo: thành phần hồ sơ cung cấp đủ theo các tiêu chí quy định tại Điều 33 và Phụ lục I kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá.
(Đối với những tổ chức đấu giá tài sản không cung cấp đủ hồ sơ để chấm điểm tại tiêu chí nào thì không có điểm tại tiêu chí đó)

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian: 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải Thông báo này.
- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Kinh Tế, UBND xã Thọ Long, địa chỉ: Thôn Phó Neo, xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa.

Ủy ban nhân dân xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản được biết, có nhu cầu nộp hồ sơ đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử Quốc gia về ĐGTS (để đăng thông báo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (b/c)
- Các phòng: Kinh tế; Văn Hóa-Xã Hội; Văn phòng HĐND-UBND;
- Trung tâm cung ứng dịch vụ công (để đăng thông báo);
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Lưu Thị Anh Đào

PHỤ BIỂU:
DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT MBQH KHU DÂN CƯ ĐỒNG TƯỜNG THÔN
PHONG LẠC 2, XÃ NAM GIANG, HUYỆN THỌ XUÂN NAY LÀ XÃ THỌ LONG, TỈNH THANH HÓA

| STT | Lô đất | Diện tích (m ²) | Đơn giá do UBND tỉnh quy định | Hệ số | Đơn giá đấu giá (đồng) | Giá khởi điểm (đồng) | Tiền đặt trước (đồng) | Ghi chú |
|-------------|--------------|-----------------------------|-------------------------------|-------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------|
| 1 | LK-E:6 | 200 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 744.000.000 | 148.800.000 | Mặt thoáng |
| 2 | LK-E:7 | 200 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 744.000.000 | 148.800.000 | Mặt thoáng |
| 3 | LK-A:1 | 215,37 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 667.647.000 | 133.529.400 | |
| 4 | LK-A:2 | 265,6 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 988.032.000 | 197.606.400 | Đầu ve |
| 5 | LK-A:3 | 262,25 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 975.570.000 | 195.114.000 | Đầu ve |
| 6 | LK-A:4 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 7 | LK-A:5 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 8 | LK-A:6 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 9 | LK-A:7 | 200 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 744.000.000 | 148.800.000 | Mặt thoáng |
| 10 | LK-A:8 | 200 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 744.000.000 | 148.800.000 | Mặt thoáng |
| 11 | LK-A:9 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 12 | LK-A:10 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 13 | LK-A:11 | 248,9 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 925.908.000 | 185.181.600 | Đầu ve |
| 14 | LK-A:12 | 323,2 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 1.202.304.000 | 240.460.800 | Đầu ve |
| 15 | LK-A:13 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 16 | LK-A:14 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 17 | LK-A:15 | 200 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 744.000.000 | 148.800.000 | Mặt thoáng |
| 18 | LK-A:16 | 200 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 744.000.000 | 148.800.000 | Mặt thoáng |
| 19 | LK-A:17 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 20 | LK-A:18 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 21 | LK-A:19 | 200 | 3.100.000 | 1,00 | 3.100.000 | 620.000.000 | 124.000.000 | |
| 22 | LK-A:20 | 201 | 3.100.000 | 1,20 | 3.720.000 | 747.720.000 | 149.544.000 | Đầu ve |
| Tổng | 22 lô | 4.716,32 | | | | 16.171.181.000 | 3.234.236.200 | - |